**ÔN TẬP SINH THÁI HỌC ( TỪ 13/4- 18/4)**

**Câu 1:** Hệ sinh thái tự nhiên có cấu trúc ổn định và hoàn chỉnh vì

A. có cấu trúc lớn nhất

B. có chu trình tuần hoàn vật chất

C. có nhiều chuỗi và lưới thức ăn

D. có sự đa dạng sinh học

**Câu 2:** Thành phần hữu sinh của hệ sinh thái gồm:

A. sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ

B. sinh vật tiêu thụ bậc 1, sinh vật tiêu thụ bậc 2, sinh vật phân giải

C. sinh vật sản xuất, sinh vật phân giải

D. sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ và sinh vật phân giải

**Câu 3:** Khi nói về hệ sinh thái, nhận định nào sau đây **sai**?

A. Hệ sinh thái là 1 hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định

B. Một giọt nước ao cũng được coi là 1 hệ sinh thái

C. Nếu bỏ đi sinh vật tiêu thụ trong hệ sinh thái thì hệ sinh thái đó không tồn tại

D. Một hệ sinh thái gồm hai thành phần cấu trúc là thành phần vô sinh và quần xã sinh vật.

**Câu 4:** Hệ sinh thái bao gồm

A. quần xã sinh vật và sinh cảnh

B. tác động của các nhân tố vô sinh lên các loài

C. các loài quần tụ với nhau tại 1 không gian xác định

D. các sinh vật luôn luôn tác động lẫn nhau

**Câu 5:** Tại sao hệ sinh thái là một hệ thống sinh học hoàn chỉnh và tương đối ổn định?

A. Vì các sinh vật trong quần xã luôn cạnh tranh với nhau, đồng thời tác động với các thành phần vô sinh của sinh cảnh

B. Vì các sinh vật trong quần xã luôn tác động lẫn nhau

C. Vì các sinh vật trong quần xã luôn tác động với các thành phần vô sinh của sinh cảnh

D. Vì các sinh vật trong quần xã luôn tác động lẫn nhau, đồng thời tác động lên các thành phần vô sinh của sinh cảnh

**Câu 6.** Trong các nhóm loài dưới đây, có bao nhiêu nhóm loài thuộc nhóm sinh vật dị dưỡng của quần xã?

(1) Tảo đơn bào. (2) Tảo đa bào. (3) Bèo hoa dâu.

(4) Giáp xác nhỏ. (5) Giun tự do. (6) Giun kí sinh.

(7) Động vật nguyên sinh. (8) Thân mềm. (9) Vi khuẩn phân hủy.

(10) Sâu bọ. (11) Cá nhỏ. (12) Cá ăn thịt.

**A.** 5. **B.** 7. **C.** 9. **D.** 10.

**Câu 7.** Một quần xã có các sinh vật sau:

(1) Tảo lục đơn bào (2) Cá rô (3) Bèo hoa dâu (4) Tôm

(5) Bèo Nhật Bản (6) Cá mè trắng (7) Rau muống (8) Cá trắm cỏ

Trong các sinh vật trên, những sinh vật là sinh vật sản xuất gồm:

**A.** (1), (2), (6), (8). **B.** (2), (4), (5), (6).

**C.** (3), (4), (7), (8). **D.** (1), (3), (5), (7).

**Câu 8:** Các nucleic trên một mạch đơn của phần tử ADN liên kết với nhau bằng:

A. Liên kết phốtphodieste B. Liên kết hidro

C. Liên kết glicozo D. Liên kết peptit

**Câu 9:** Một ADN mạch kép có 30% A. Tỉ lệ % số Nu loại G chiếm

**A.** 10% B. 20% C. 30% D. 40%

**Câu 10:** Chức năng của phân tử tARN là

A. cấu tạo nên riboxom     B. vận chuyển axit amin

C. bảo quản thông tin di truyền    D. vận chuyển các chất qua màng

**Câu 11:** Axit nucleic cấu tạo theo nguyên tắc nào sau đây?

A. Nguyên tắc đa phân

B. Nguyên tắc bán bảo tồn và nguyên tắc đa phân

C. Nguyên tắc bổ sung

D. Nguyên tắc bổ sung và nguyên tắc đa phân

**Câu 12:** Trong cấu trúc của Operon Lac thì vùng vận hành là nơi:

1. Protein điều hòa bám vào để ngăn cản phiên mã
2. Mã hóa cho các protein cấu trúc
3. Mã hóa cho các protein điều hòa
4. Bám của ARN- polimeraza khởi đầu cho phiên mã

**Câu 13:** Các loại nucleotit cấu tạo nên phân tử ADN khác nhau ở

A. Thành phần bazo nito

B. Cách liên kết của đường C5H10O4 với axit H3PO4

C. Kích thước và khối lượng các nucleotit

**Câu 14:** Enzim nối các đoạn Okazaki trong quá trình nhân đôi ADN là

1. ARN- polimeraza C. ADN- polimeraza
2. ADN- ligaza D. Restrictaza

**Câu 15:** Ở vi khuẩn quá trình điều hòa hoạt động của gen diễn ra chủ yếu ở giai đoạn:

1. Nhân đôi ADN B. Phiên mã C. Dịch mã D. Sau dịch mã

**Câu 16.** Cấu trúc của timin khác với uraxin về

A. Loại đường và loại bazo nito

B. Loại đường và loại axit phôtphoric

C. Liên kết giữa axit phôtphoric với đường

D. Liên kết giữa đường với bazo nito

 **Câu 17:** Điều nào sau đây về đột biến gen là **không** đúng?

1. Đột biến gen là biến đổi trong cấu trúc của gen
2. Đột biến gen tạo nguồn nguyên liệu sơ cấp chủ yếu cho tiến hóa
3. Đột biến gen có thể làm thay đổi tính trạng của cơ thể
4. Đột biến gen làm thay đổi vị trí của gen trên NST

**Câu 18:** ADN có chức năng

A. Dự trữ và cung cấp năng lượng cho tế bào

B. Cấu trúc nên màng tế bào, các bào quan

C. Tham gia và quá trình chuyển hóa vật chất trong tế bào

D. Lưu trữ và truyền đạt thông tin di truyền

**Câu 19:** Trình tự sắp xếp các nucleotit trên mạch 1 của một đoạn phân tử ADN xoắn kép là – ATTTGGGXXXGAGGX -. Tổng số liên kết hidro của đoạn ADN này là

A. 50     B. 40     C. 30    D. 20

**Câu 20:** **Câu 21:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về phân tử ARN?

A. Tất cả các loại ARN đều được tổng hợp trên khuôn mẫu của phân tử ADN

B. Tất cả các loại ARN đều được sử dụng để làm khuôn tổng hợp protein

C. Các phân tử ARN được tổng hợp ở nhân tế bào

D. Đa số các phân tử ARN chỉ được cấu tạo từ một chuỗi pôlinucleotit